

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 260/2020/DS-PT

Ngày: 07/9/2020

V/v: Tranh chấp về yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ dân sự
và bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Cùng các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát
viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLPT-DS ngày 18/8/2020 về tranh
chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 09/7/2020 của Tòa án
nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2020/QĐ-PT ngày
20/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Tạ Thị Tuyết M, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1951 (có
mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Thửa đất 508, tờ bản đồ 19 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của bà và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này liền kề với thửa đất 511, tờ bản đồ 19, diện tích 44,5m² thuộc quyền sử dụng của bà Tạ Thị Tuyết M (nguồn gốc đất là của bà chuyển nhượng cho bà M).

Vào năm 2018, bà M cất nhà trên phần đất này, trong thời gian xây nhà thì bà M kêu người ném nhiều gáo dừa xuống mương nước thuộc quyền sử dụng của bà nên làm hạn chế nước thoát ra ngoài. Tiếp tục sau đó bà M lại bơm cát tràn xuống mương làm lấp 1 đoạn mương và nước không thoát ra ngoài được. Đồng thời phần cát bơm tràn qua làm bể 1 đoạn ống nhựa dẫn nước đường kính 9cm, dài 3m, làm chết 01 con gà mái và hỏng 11 quả trứng trị giá 350.000đ. Sau đó, bà phải mua ống nhựa và thuê người gắn lại đường ống nước tổng chi phí là 300.000đ (trong đó: tiền mua ống nước 100.000đ, tiền công 200.000đ).

Ngoài ra, trong khoảng thời gian mương nước bị nghẹt, không thoát được nên cứ 3 ngày 1 lần, mỗi lần khoảng 1 giờ bà phải tự mình bới một ít cát ra để nước chảy tạm trong thời gian chờ giải quyết. Do mương bị bà M vứt mảnh vỡ thủy tinh xuống nên trong lúc bới cát thì bà bị mảnh vỡ thủy tinh cắt vào tay chân, phải đi băng bó và uống thuốc. Tiền công bà bới cát trong thời gian qua là: 10 ngày/tháng x 30.000đ/ngày x 9 tháng = 2.700.000đ.

Do bị thiệt hại, nên bà khởi kiện yêu cầu bà M và ông B bồi thường cho bà giá trị 01 con gà mái và 11 quả trứng là 350.000đ, chi phí gắn lại đường ống thoát nước là 300.000đ, tiền công bới cát 2.700.000đ. Tổng cộng là 3.350.000đ.

Tại bản khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Tạ Thị Tuyết M trình bày:

Thửa đất của bà là thửa 511 giáp ranh với phần đất của bà N thửa 508. Trước đây, bà có bơm cát trên phần đất của bà để cất nhà và trong quá trình bơm cát thì cát có tràn qua mương của bà N khoảng 02 khối. Sau khi, bà N yêu cầu bà bới cát lên, thì bà có thuê người đến để lấy hết phần cát đã tràn xuống mương của bà N lên và định thuê người di dời ra khỏi phần đất của bà N nhưng lúc này bà N yêu cầu bà cứ để cát trên bờ của bà N. Nay bà N đã khởi kiện yêu cầu bà di dời cát ra khỏi đất của bà N thì bà cũng đồng ý di dời tất cả phần cát và các vật khác bà đã làm tràn qua phần mương của bà N, nhưng bà N phải tạo điều kiện để cho bà di dời. Đối với việc bà N cho rằng từ sự việc cát tràn qua mà gây thiệt hại cho bà N gồm: ống nước bị hư, 01 con gà mái và 11 quả trứng bị hư, chi phí tiền công bà N bỏ ra để bới cát tổng cộng là 3.350.000đ thì bà không đồng ý bồi thường vì bà không có gây ra những thiệt hại này.

Tại bản khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn B trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà M, ông không có ý kiến gì khác.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 29/2020/DS-ST ngày 09/7/2020 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Tạ Thị Tuyết M. Buộc bà Tạ Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (chi phí lấp ống nước) cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Tạ Thị Tuyết M bồi thường thiệt hại gồm: 2.700.000 đồng tiền công bới cát và 350.000 đồng tiền 01 con gà mái và 11 quả trứng gà bị thiệt hại.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc bà Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Văn B phải di dời tất cả cát và gáo dừa trả lại cho bà N phần đất có diện tích khoảng 30m², thuộc thửa 508, tờ bản đồ 19 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2020 bà Nguyễn Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc bà M và ông B phải bồi thường giá trị của 01 con gà mái, 11 quả trứng là 350.000 đồng và tiền công bới cát là 2.700.000 đồng, tổng cộng là 3.050.000 đồng.

Tại phiên Toà phúc thẩm, bà N giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn là bà Tạ Thị Tuyết M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn B không đồng ý với yêu cầu của bà N.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu bà Tạ Thị Tuyết M, ông Trần Văn B bồi thường cho bà giá trị 01 con gà mái và 11 quả trứng là 350.000đ, tiền công bới cát 2.700.000đ. Tổng cộng là 3.050.000đ.

[2] Theo nội dung đơn kháng cáo đề ngày 20/7/2020 bà N cho rằng do bà M bơm cát tràn xuống mương nước của bà, bà M không có người xúc cát lên mà lại xắn một đoạn bờ đất làm bể ống nhựa dẫn đường nước và làm chết 01 ổ gà đang ấp gồm một con gà mái và 11 quả trứng. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà N không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà M làm bể đường ống dẫn đến chết 01 con gà mái và 11 quả trứng. Bà N cho rằng do bà không phát hiện ngay từ ban đầu nên bà chưa kịp thời báo cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Bà N cũng không chứng kiến việc con gà bị ống nước vỡ ra và đè chết, đồng thời bà N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại về con gà và 11 quả trứng là do ống nước vỡ gây ra.

Ngoài ra, bà N yêu cầu bồi thường tiền công bới cát là 2.700.000 đồng vì bà cho rằng đường nước bị nghẹt nên cứ 03 ngày một lần, mỗi lần khoảng 01 giờ trong vòng 09 tháng thì bà phải bới cát cho nước chảy. Trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không cung cấp được giấy tờ, tài liệu để làm căn cứ cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Bà N được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Tạ Thị Tuyết M. Buộc bà Tạ Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ bồi

thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (chi phí lấp ống nước) cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Tạ Thị Tuyết M thường thiệt hại gồm: 2.700.000 đồng tiền công bới cát và 350.000 đồng tiền 01 con gà mái và 11 quả trứng gà bị thiệt hại.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc bà Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Văn B phải di dời tất cả cát và gáo dừa trả lại cho bà N phần đất có diện tích khoảng 30m², thuộc thửa 508, tờ bản đồ 19 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N, bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nguyễn Thế Hồng

Huỳnh Ngọc Dũng

